**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN N**
**TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2016/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 8 - 2017.
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
### TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Hùng Phương.
*Các hội thẩm nhân dân:* - Ông Đào Văn Rạng.
- Ông Đàm Văn Kiều.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2016 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2017/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017. Về vụ án xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/QĐXX-ST ngày 28/7/2017 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn**: Ông Nguyễn Quang T - Sinh năm: 1933;
Địa chỉ: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

+ **Bị đơn**: Bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1946
ĐKHKTT: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.
Chỗ ở hiện nay: Không có địa chỉ.

Tại phiên tòa có mặt ông T, vắng mặt bà N.

# NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện cũng như lời khai của ông Nguyễn Quang T tại phiên tòa thể hiện: Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị N vào năm 1991, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân và do các con riêng của ông không

nhất trí cuộc hôn nhân giữa ông và bà N dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Đến cuối năm 1996 thì bà N tự ý bỏ ra khỏi nhà đi khỏi địa phương, cắt đứt mọi liên lạc với ông cũng như gia đình. Mặc dù ông và gia đình đã nhiều lần đi tìm nhưng không có địa chỉ. Ông T đã nhắn tin trên báo Công lý và đài tiếng nói Việt Nam tìm kiếm bà N nhưng không có kết quả. Ông T đã đề nghị với Tòa án nhân dân huyện N tuyên bố bà N mất tích. Ngày 06/06/2017 Tòa án nhân dân huyện N đã mở phiên họp tuyên bố bà Nguyễn Thị N mất tích. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà N là không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về con chung ông T xác định giữa ông và bà N có một con chung là Nguyễn Thị Thanh N sinh ngày 20/12/1991. Vợ chồng ly hôn do con N đã trưởng thành lao động tự lập được nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng ông T khai vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ông T đề nghị giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm Phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Ông T có đơn xin ly hôn, bà N đã bỏ đi và Tòa án nhân dân huyện tuyên bố mất tích vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng ông bà có một con chung là Nguyễn Thị Thanh N sinh ngày 20/12/1991. Ly hôn do con chung đã trưởng thành lao động tự lập đươc nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên ông T phải nộp.

## XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cuộc hôn nhân giữa ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị N vào năm 1991, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng đã có thời gian

chung sống hạnh phúc. Sau đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi chửi nhau, bà N đã tự ý bỏ đi từ cuối năm 1996. Nhiều lần ông T và gia đình đã tìm kiếm nhưng không biết bà N ở đâu làm gì. Ông đã làm thủ tục thông báo nhắn tìm bà N trên báo, đài ở Trung Ương nhưng vẫn không thấy bà N trở về. Ngày 06/6/2017 Tòa án nhân dân huyện N đã mở phiên họp tuyên bố bà Nguyễn Thị N mất tích. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xử ly hôn. Thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị N đã trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được ông T có đơn xin ly hôn nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị N có một con chung là Nguyễn Thị Thanh N sinh ngày 20/12/1991, vợ chồng ly hôn do con chung là chị Thanh N đã trưởng thành lao động tự lập được nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Ông Nguyễn Quang T xác định vợ chồng không có, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quang T phải nộp theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1 - Xử ly hôn giữa ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị N.

2 - Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Quang T phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: BB/2012/06068 ngày 29/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***
- Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**(Đã ký)**

**Phạm Hùng Phương**